

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG MẠNH QUÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG MẠNH QUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANH QUAN PRODUCTION AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108626402

3. Ngày thành lập: 28/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1, ngõ 241/38/15 Đại Cát 1, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Chăn nuôi gia cầm	0146
3.	Chăn nuôi khác	0149
4.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
5.	Khai thác gỗ	0220(Chính)
6.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
7.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
8.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
9.	Khai thác quặng sắt (trừ quặng uranium và quặng thorium)	0710
10.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
11.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
13.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
15.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
16.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
19.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
20.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

21.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
22.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	1709
23.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
24.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
25.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
26.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
27.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
28.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
29.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
30.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
31.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
32.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
35.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
36.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
37.	Thu gom rác thải độc hại	3812
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
40.	Tái chế phế liệu	3830
41.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
42.	Xây dựng nhà để ở	4101
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
45.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
46.	Xây dựng công trình điện	4221
47.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
48.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
49.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
50.	Xây dựng công trình thủy	4291
51.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
52.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
54.	Phá dỡ	4311
55.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
61.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
62.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
63.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
66.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hàng hóa nhà nước cấm)	4690
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
70.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
72.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
73.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
74.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN TRIỆU TUẤN	Thôn Dâu 2, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	70,000	017436034	
			Tổng số	35.000	350.000.000	70,000		

2	PHAN THỊ THU HƯỜNG	TT 228, Xã Đông Xuân, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	20,000	013679699	
			Tổng số	10.000	100.000.000	20,000		
3	NGUYỄN THỊ DIỆU MINH	Thôn Dâu 2, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	10,000	017278446	
			Tổng số	5.000	50.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN TRIỆU TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017436034

Ngày cấp: 18/09/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Dâu 2, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1, ngõ 241/38/15 Đại Cát 1, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội